

HỆ THỐNG THÔNG TIN VỀ NHU CẦU XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO NGHỀ

• ThS. PHAN MINH HIỀN
 Tổng cục Dạy nghề

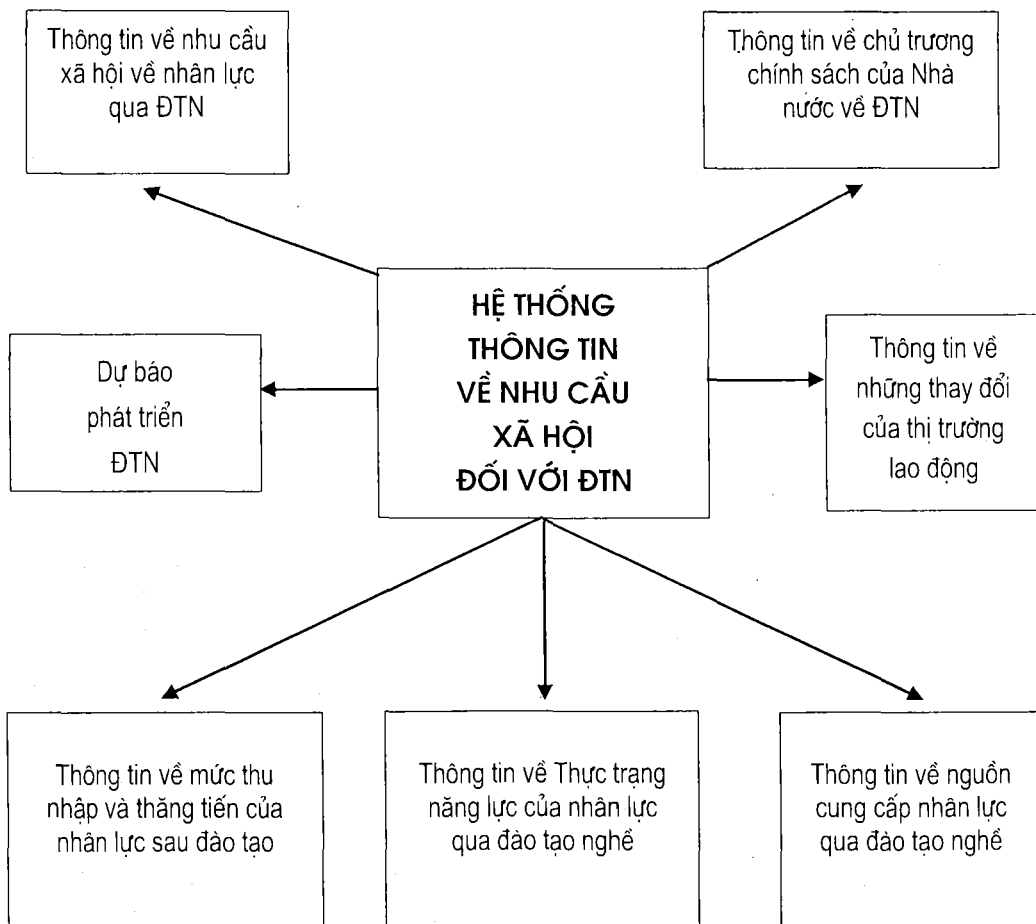
Hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội đối với đào tạo nghề (ĐTN) là công cụ để thu thập, đánh giá, cung cấp thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN, dự báo nhu cầu nhân lực, phục vụ cho công tác xây dựng kế hoạch phát triển ĐTN đáp ứng nhu cầu xã hội. Vì vậy, xây dựng hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội là một trong

những giải pháp phát triển ĐTN.

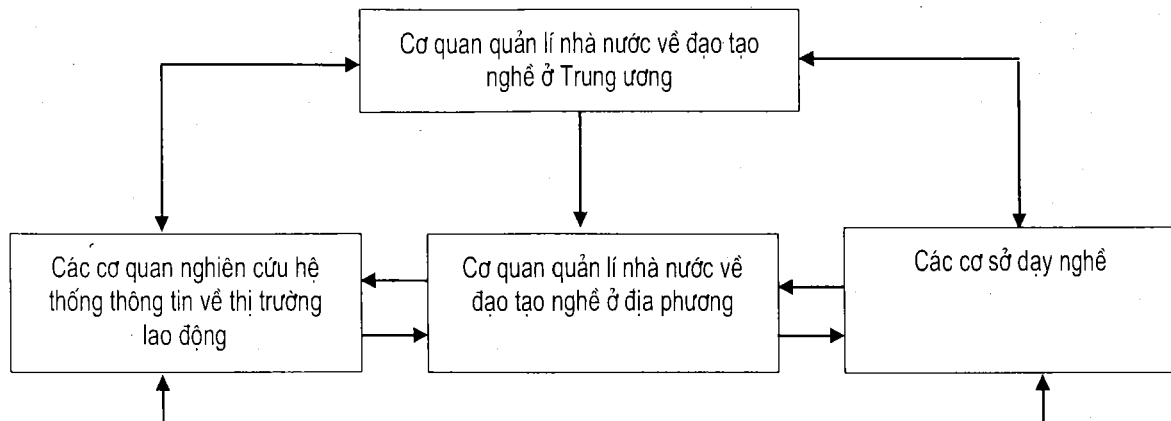
1. Các nội dung cần thiết trong thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN

Các nội dung cần thiết trong thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN gồm:

- Nhu cầu xã hội về nhân lực qua ĐTN; thông tin về số lượng, trình độ, ngành nghề thị



Sơ đồ 1. Nội dung cần thiết trong thông tin về nhu cầu xã hội



Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN

trường lao động đang cần, ở đâu; các thông số đầu vào về nhu cầu lao động như: tốc độ tăng trưởng GDP, mức đầu tư toàn xã hội, mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động, tốc độ tăng năng suất lao động dự kiến, tỉ lệ thất nghiệp cho phép;

- Thông tin về chủ trương chính sách của Nhà nước về ĐTN; các ngành, lĩnh vực có tính chất chiến lược, tầm cỡ quốc gia cần được ưu tiên;

- Những thay đổi của thị trường lao động liên quan đến ĐTN: thông tin về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu nhân lực; thông tin về ngành, nghề mới xuất hiện do áp dụng kỹ thuật, công nghệ mới; những kỹ năng mới cần đào tạo, bồi dưỡng bổ sung cho người lao động;

- Thông tin về nguồn cung cấp nhân lực qua ĐTN: năng lực của các cơ sở dạy nghề, các loại hình đào tạo, ngành nghề đào tạo, chương trình đào tạo;

- Thực trạng năng lực của nhân lực qua ĐTN; mức độ đáp ứng của nhân lực sau đào tạo so với yêu cầu của cơ sở sử dụng nhân lực;

- Tình hình việc làm sau tốt nghiệp của người học nghề theo cơ cấu ngành nghề đào tạo và trình độ được đào tạo ở các khu vực địa phương khác nhau; tỉ lệ không tìm được việc làm sau khi học xong; mức thu nhập và thăng tiến của nhân lực sau đào tạo theo ngành nghề, khu vực kinh tế;

- Các thông tin dự báo về nhu cầu lao động trong tương lai, có thể là dự báo cho thời kỳ 5 năm, 10 năm, liên quan tới số lượng nhân lực cần tuyển dụng, cơ cấu ngành nghề, nội dung

lao động, yêu cầu về năng lực người lao động...

Nội dung cần thông tin về nhu cầu xã hội được mô tả tóm tắt theo sơ đồ 1.

2. Các kênh thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN

Có nhiều kênh thông tin về nhu cầu xã hội có thể khai thác, trong đó:

- Số liệu điều tra; thông tin từ điều tra chuyên đề theo định kỳ (3 năm, 4 năm) về cầu lao động thông qua các cơ sở sử dụng nhân lực như doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ gia đình...;

- Các cơ quan quản lý lao động và đào tạo quốc gia như: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục - Đào tạo, Ủy ban Nhân dân các cấp, các cơ quan chức năng ở địa phương;

- Thông tin lao động việc làm từ các doanh nghiệp;

- Thông tin từ các cơ sở dạy nghề;

- Thông tin qua các phương tiện truyền thông báo chí, đài, truyền hình, tài liệu giới thiệu doanh nghiệp;

- Kết quả điều tra dấu vết người học nghề.

3. Cơ cấu tổ chức hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN

Về cơ bản, cơ cấu tổ chức hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN gồm:

- Cơ quan quản lý nhà nước về ĐTN ở trung ương;

- Cơ quan quản lý nhà nước về ĐTN ở địa phương (các sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các phòng Lao động cấp huyện, quận);

- Các cơ sở dạy nghề;
- Các cơ quan nghiên cứu hệ thống thông tin về thị trường lao động

Cơ cấu tổ chức hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN được mô tả tóm tắt theo Sơ đồ 3.

4. Vai trò của hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN

Hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội đóng vai trò quan trọng đối với ĐTN; cụ thể như sau:

- Đối với cơ quan quản lý ĐTN:

Các cơ quan quản lý ĐTN có được những thông tin cụ thể, chính xác về định hướng phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, cơ cấu nhân lực, nhu cầu nhân lực trong cả nước, khu vực; từ đó, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo hiệu quả;

- Đối với các cơ sở dạy nghề:

+ Hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội cung cấp những dữ liệu quan trọng trong hoạt động ĐTN. Quá trình tổng hợp, phân tích thông tin về nhu cầu xã hội giúp cơ sở dạy nghề xác định năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội, cơ cấu các ngành nghề cần đào tạo, quy mô đào tạo, yêu cầu về kỹ năng, kiến thức, thái độ của người lao động. Từ đó, xác định được mục tiêu, nội dung đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội;

- + Xác định được tâm lý của các đối tác ĐTN.

Thông qua các kết quả điều tra, thu thập thông tin, các cơ sở dạy nghề có thể biết được đặc điểm tâm lý của các đối tác của ĐTN như: người học nghề, gia đình người học nghề, chủ các doanh nghiệp sử dụng lao động; từ đó, xác định được các phương pháp đào tạo phù hợp;

- Đối với cơ sở sử dụng nhân lực:

Thông qua thông tin về ĐTN, cơ sở sử dụng nhân lực có cơ hội tuyển chọn được lao động có năng lực phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất; nhờ đó, giảm thiểu chi phí tuyển dụng, năng suất lao động và lợi nhuận tăng lên.

- Đối với người học nghề:

Nhờ những thông tin liên quan đến thị trường lao động (như: nhu cầu nhân lực của các cơ sở sử dụng nhân lực, các loại ngành nghề, kiến thức kỹ năng và thái độ cần thiết, tiền lương) và đào tạo (như: năng lực đào tạo của các cơ sở dạy

nghề, địa điểm học), người học có thể chọn được những nghề và cơ sở dạy nghề phù hợp với khả năng và điều kiện của mình, phục vụ cho mục đích tìm việc làm, tự tạo việc làm, tăng thu nhập.

- Đối với Nhà nước:

+ Nhà nước sử dụng thông tin về nhu cầu xã hội để xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung, ĐTN nói riêng ;

+ Nhờ hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội và năng lực của các cơ sở dạy nghề và lợi nhuận của các cơ sở sử dụng nhân lực tăng lên; người học có khả năng tìm được việc làm, dẫn đến tỉ lệ thất nghiệp giảm. Vì vậy, phúc lợi xã hội tăng, chi phí xã hội giảm.

5. Một số yêu cầu đối với hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội trong ĐTN

- Tính chính xác: thông tin phải đảm bảo độ tin cậy, chính xác cao để làm căn cứ cho việc ra quyết định đúng và tiết kiệm chi phí.

- Tính hệ thống: Hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN phải được triển khai từ trung ương tới địa phương, các doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề và người lao động.

- Tính thống nhất: Các khái niệm và phương thức xử lý thông tin, các chỉ tiêu thống kê cần thống nhất giữa các cơ quan có trách nhiệm tổ chức và thu thập thông tin để có số liệu chính xác; cần có cơ quan quản lý thống nhất hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội phục vụ cho ĐTN;

- Tính trong sáng, dễ hiểu: Thông tin phải được xây dựng bằng ngôn ngữ dễ hiểu, lô gic để thông tin được xử lý kịp thời, không bị hiểu sai lệch. Sự thiếu mạch lạc và chính xác trong truyền đạt thông tin có thể gây ra hiểu nhầm, tổn kém.

- Tính toàn diện: Thông tin phải toàn diện, đầy đủ về mọi lĩnh vực liên quan đến nhu cầu xã hội đối với ĐTN, như nhu cầu của Nhà nước, các địa phương, cơ sở sử dụng nhân lực, người học và năng lực của các cơ sở dạy nghề;

- Tính kịp thời: Nếu thu thập và xử lý thông tin quá muộn dẫn đến việc ra quyết định không kịp thời, hiệu quả của quyết định kém. Vì vậy, cần thường xuyên cập nhật thông tin về nhu cầu xã hội, hoàn thiện công nghệ xử lý thông tin để đảm bảo tính kịp thời của thông tin;

- Tính hiệu quả: Hệ thống thông tin về nhu

câu xã hội đối với ĐTN phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí và tăng tối đa chất lượng sử dụng. Một số biện pháp thực hiện để có một hệ thống thông tin có hiệu quả gồm:

+ Làm rõ ý tưởng trước khi truyền đạt thông tin;

+ Lựa chọn, sắp xếp nội dung thông tin có hệ thống;

- Tính dự báo: Đảm bảo chức năng dự báo, phục vụ cho công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch ĐTN; có thể dự báo tổng cầu nhân lực theo ngành, nghề và cho từng thời kì nhất định; luôn luôn cung cấp thông tin dự báo nhu cầu nhân lực cho các cơ sở dạy nghề để điều chỉnh kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo phù hợp, kịp thời;

- Tính mở: Mục tiêu cơ bản của Hệ thống thông tin về nhu cầu xã hội đối với ĐTN là phục vụ cho sự phát triển hệ thống ĐTN và tăng tính hiệu quả của thị trường lao động nên cần có cơ chế chia sẻ thông tin, "mở" để nhiều đối tượng có thể truy cập và tham gia xây dựng hệ thống. Tuy nhiên, để hệ thống thông tin được thống nhất thì cần thiết phải có một cơ quan chịu trách nhiệm chính về tập trung thông tin và phân cấp đầu mối

hệ thống thông tin./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, *Thực trạng lao động việc làm ở Việt Nam*, Hà Nội, 2000.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Báo cáo về việc làm và lao động xuất khẩu*, Hà Nội, 2008.
3. Hồ Tiến Dũng, *Tổ chức hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp*, NXB Văn hóa Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, 2006.
4. Phan Minh Hiền, *Giải pháp nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của đào tạo nghề*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 39, Hà Nội, 2008.
5. Mạc Văn Tiến (chủ biên), *Thông tin thị trường lao động qua đào tạo nghề*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2005.

SUMMARY

The information system on the social needs for vocational training is a tool for vocational training development planning. This article presents some basic factors in the design of the information system on the social needs for vocational training: information content, information channel, structure of the information system, role of the information system and some requirements for the education system.

BỒI DƯỠNG HỨNG THÚ...

(Tiếp theo trang 35)

sách văn học có thể hình thành cho tất cả mọi đối tượng HS chứ không phải chỉ bó hẹp trong một đối tượng cụ thể ở những HS có năng khiếu. Có như vậy, mỗi HS tiểu học mới có thể phát huy được vai trò chủ thể của mình và khả năng độc lập trong cảm thụ những tác phẩm văn học vừa tầm đón nhận.

Như vậy, bồi dưỡng hứng thú và năng lực cảm thụ văn học là một biện pháp quan trọng góp phần hình thành hình ảnh bạn đọc HS nói chung, đặc biệt cần thiết để xây dựng hình ảnh bạn đọc cho HS tiểu học với những đặc điểm và giới hạn riêng trong khả năng và tâm đón nhận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trí, Lê A, Lê Phương Nga, *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.

2. Phan Trọng Luận, *Văn chương bạn đọc sáng tạo*, NXB ĐHQG, Hà Nội, 2003.
3. Lê Phương Nga, Nguyễn Trí, *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học*, NXB ĐHQG, Hà Nội, 1999.
4. Lê Phương Nga, *Dạy học tập đọc ở tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

SUMMARY

Nurturing and enhancing the literature receptive ability for primary school children is a very important topic. The writing overviews the meaning of Nurturing the literature interest and receptive ability for primary school children. Analysis of some measures for Nurturing the literature interest and receptive ability for school children like: Nurturing the literature reading interest and forming the reading habits, nurturing the life understanding and esthetic receptive ability